

THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế
Năm học: 2022-2023

Đơn vị: học sinh

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	1087	198	222	216	203	268
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	1087	198	222	216	203	268
III	Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất, kết quả học tập cụ thể như sau:						

* KHỐI 1-3:

I. NĂNG LỰC CHUNG

Số	Tự chủ và tự học						Giao tiếp và hợp tác						Giải quyết vấn đề và sáng tạo						
	Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Tốt		Đạt		Cần cố gắng		
	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	
Tổng khối 01	198	139	70.2	55	27.8	4	2	142	71.7	53	26.8	3	1.5	136	68.7	57	28.8	5	2.5
Tổng khối 02	222	157	70.7	65	29.3			172	77.5	50	22.5			160	72.1	62	27.9		
Tổng khối 03	216	127	58.8	87	40.3	2	0.9	129	59.7	85	39.4	2	0.9	129	59.7	85	39.4	2	0.9



III. PHẨM CHẤT

Sĩ số	Yêu nước						Nhân ái						Chăm chỉ						Trung thực						Trách nhiệm						
	Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Tốt		Đạt		Cần cố gắng								
SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL						
Tổng khối 01	198	191	96.5	7	3.5			188	94.9	10	5.1			148	74.7	46	23.2	4	2.0	177	89.4	20	10.1	1	0.5	154	77.8	43	21.7	1	0.5
Tổng khối 02	222	184	82.9	38	17.1			192	86.5	30	13.5			183	82.4	39	17.6			185	83.3	37	16.7			172	77.5	50	22.5		
Tổng khối 03	216	135	62.5	79	36.6	2	0.9	134	62.0	80	37.0	2	0.9	131	60.6	83	38.4	2	0.9	134	62.0	80	37.0	2	0.9	132	61.1	82	38.0	2	0.9

IV. KẾT QUẢ HỌC TẬP

Khối	Số	Mức độ	Tiếng Việt		Toán		Tự nhiên và xã hội		Ngoại ngữ		TH-CN (Công nghệ)		Giáo dục thể chất		Nghệ thuật (Âm nhạc)		Nghệ thuật (Mỹ thuật)		Hoạt động trải nghiệm		TH-CN (Tin học)		Đạo đức	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL				
Tổng khối 01	198	T	129	65	126	64	143	72	154	78			145	73	140	71	143	72	140	71			143	72
		H	62	31	67	34	53	27	44	22			52	26	55	28	52	26	55	28			52	26
		C	7	3.5	5	2.5	2	1					1	0.5	3	1.5	3	1.5	3	1.5			3	1.5
Tổng khối 02	222	T	124	56	142	64	157	71	167	75			160	72	161	73	156	70	170	77			173	78
		H	98	44	80	36	65	29	55	25			62	28	61	27	66	30	52	23			49	22
		C																						
Tổng khối 03	216	T	128	59	127	59	128	59	115	53	128	59	130	60	134	62	130	60	129	60	126	58	130	60
		H	86	40	89	41	88	41	101	47	88	41	86	40	82	38	86	40	87	40	90	42	86	40
		C	2	0.9																				

* KHỎI 4-5:

I. NĂNG LỰC

Sĩ số		Tự chủ và tự học					Giao tiếp và hợp tác					Giải quyết vấn đề và sáng tạo							
		Tốt		Đạt		Cần cố gắng	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	Tốt		Đạt		Cần cố gắng			
Tổng khối 04	203	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL		
		129	63.5	73	36	1	0.5	130	64	72	36	1	0.5	127	63	75	37	1	0.5
Tổng khối 05	189	70.5	79	30			183	68	85	32			159	59	109	41			

II. PHẨM CHẤT

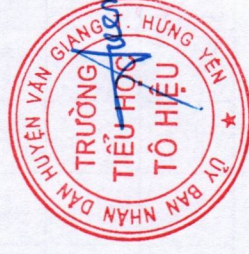
Sĩ số	Chăm học, chăm làm						Tự tin, trách nhiệm						Trung thực, kỷ luật						Đoàn kết, yêu thương						
	Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Tốt		Đạt		Cần cố gắng		
	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	
Tổng khối 04	203	108	53.2	93	45.8	2	1.0	111	54.7	91	44.8	1	0.5	111	54.7	91	44.8	1	0.5	117	57.6	85	41.9	1	0.5
Tổng khối 05	268	135	50.4	133	49.6			148	55.2	120	44.8			180	67.2	88	32.8			188	70.1	80	29.9		

III. KẾT QUẢ HỌC TẬP

Lớp	Sĩ số	Mức độ	Tiếng Việt		Toán		Khoa học		Lịch sử và địa lý		Ngoại ngữ		Đạo đức		Âm nhạc		Mỹ thuật		Kỹ thuật		Thể dục		Thủ công	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
Tổng khối 04	203	T	87	43	107	53	99	49	100	49	88	43	130	64	113	56	112	55			129	64	121	60
		H	114	56	94	46	103	51	102	50	115	57	73	36	90	44	91	45			74	36	82	40
		C	2	1	2	1	1	0.5	1	0.5														
Tổng khối 05	268	T	98	37	152	57	141	53	143	53	84	31	152	57	130	49	129	48			147	55	155	58
		H	170	63	116	43	127	47	125	47	184	69	116	43	138	51	139	52			121	45	113	42

Nghĩa Trụ, ngày 31 tháng 5 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Thị Tuyết